

XỬ LÝ ĐỂ KHAI THÁC TỐI ƯU TÀI NGUYÊN THÔNG TIN VỀ VIỆT NAM HỌC

VƯƠNG TOÀN^(*)

Ngày nay, hiểu biết về Việt Nam không còn chỉ là một đề tài riêng lẻ của một vài cá nhân nào đó. Từ chỗ nghiên cứu về Việt Nam học hầu như chỉ được tập hợp và trình bày tại các Hội thảo quốc tế tổ chức ở nước ngoài, đến nay đã có hai Hội thảo quốc tế Việt Nam học được tổ chức tại Việt Nam và Hội thảo lần thứ ba sắp diễn ra tại Hà Nội (tháng 12/2008).

Viện Việt học không chỉ có ở nước ngoài mà nay ở Đại học Quốc gia Hà Nội có Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển; một số trường đã có Khoa Việt Nam học..., nghĩa là đã có hệ thống đào tạo chính quy đại học và sau đại học cho ngành Việt Nam học.

Thế nhưng để thoả mãn nhu cầu của người dùng tin hiện nay thì những công trình Thư mục (dạng phiếu hay in tập) đã có không còn thích ứng, cho nên đã đến lúc cần có sự đồng thuận giữa các trung tâm thông tin – thư viện khoa học, cùng nhau thực hiện một chương trình chung về Việt Nam học, và cũng là để hội nhập và cùng phát triển với ngành thông tin – thư viện thế giới. Bài viết dưới đây xin được chia sẻ cùng bạn đọc một vài suy nghĩ về vấn đề này.

1. Từ những nghiên cứu riêng lẻ về Việt Nam đến sự hình thành hệ nghiên cứu về Việt Nam mà giới chuyên môn gọi là Việt Nam học là cả một quá trình. Đó cũng chính là quá trình xác định vai trò của hai tiếng “Việt Nam” ở tầm học thuật thế giới. Việt Nam học đã thực sự trở thành một ngành nghiên cứu: Từ *études vietnamiennes* đến việc sử dụng thuật ngữ *vietnamologie* trong tiếng Pháp của một số tác giả, và dùng *Vietnamologie* để chỉ nhà nghiên cứu Việt Nam học là một minh chứng.

Cùng với việc hình thành và phát triển bộ môn Việt Nam học, giới nghiên cứu về Việt Nam ở nước ngoài dần được mở rộng và ngày càng đông đảo. Nếu như trước 1954 chủ yếu là người Pháp và Tây Âu thì từ sau đó phải kể đến một số

công trình của các nhà nghiên cứu Nga - Xô Viết, Trung Quốc, Mỹ,... và gần đây là Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Các tổ chức nghiên cứu về Việt Nam hoặc có nghiên cứu về Việt Nam cũng hết sức đa dạng với các sản phẩm khoa học phong phú đã được công bố. Để khai thác tối ưu tài nguyên thông tin về Việt Nam học từ các nguồn tài liệu khác nhau, việc xử lý và quản lý nguồn thông tin này cần được đặt ra, với tinh thần hợp tác và chia sẻ tài nguyên thông tin, theo hướng hội nhập cùng phát triển.

Muốn làm được điều này, cần có sự phối hợp giữa các trung tâm thông tin –

^(*) PGS., TS. Phòng Nghiệp vụ Thư viện, Viện Thông tin Khoa học xã hội

thư viện khoa học, thông qua một chương trình chung của ngành Việt Nam học.

2. Đất nước và con người Việt Nam được giới nghiên cứu nước ngoài chú ý đến từ lâu. Mục đích lúc đầu có thể chỉ là để tìm cách chinh phục và thống trị, và có thể để giao lưu buôn bán với người dân xứ này. Thế nhưng không hoàn toàn phụ thuộc vào mục đích riêng của từng người, nhiều kết quả nghiên cứu của họ, nhất là những khảo cứu và nhận xét thực sự khoa học về điều kiện tự nhiên và lịch sử, về đời sống văn hóa như phong tục tập quán, tín ngưỡng, ngôn ngữ,... thì cho đến nay và cho đến mai sau, không dễ mất đi các giá trị khoa học của nó, hoặc ít ra một số nhận định của người đương thời cũng trở thành một điểm mốc cho quá trình nhận thức sau này.

Cùng với những thành công to lớn mà công cuộc “đổi mới” đang thu được, nước Việt Nam ngày càng được nhiều bạn bè trên thế giới biết đến và yêu mến. Số lượt người đến thăm và làm việc cũng như người về thăm quê hương ngày một nhiều. Việt Nam học được giới nghiên cứu trong và ngoài nước ngày càng quan tâm trong tình hình tiếng Việt ngày càng có vị trí xứng đáng của mình trên trường quốc tế.

2.1. Thời gian công bố và xuất bản đã khiến cho một số công trình nghiên cứu của người Pháp và Tây Âu mặc nhiên mang giá trị đi tiên phong, hoặc ghi thành mốc lịch sử cho một chuyên ngành mà người đi sau không thể không nhắc tới. Nhiều tài liệu hiện còn được lưu trữ tại Thư viện Khoa học xã hội (kế thừa từ thư viện trường Viễn Đông Bác cổ - EFEO trước đây để lại).

Chúng ta có thể nhận thấy *giá trị lịch sử* của một số công trình nghiên cứu được công bố cách đây hơn một thế kỷ, trên *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême-Orient*, được viết tắt là *BEFEO*. GS. sử học Lương Ninh nhận xét rằng: Đây thực sự là cái Viện Hàn lâm đứng hàng đầu thế giới chuyên nghiên cứu về Viễn Đông, về Lịch sử, Văn học, Ngôn ngữ, Khảo cổ, Văn hóa nói chung... Tạp chí đã góp phần đặt nền móng cho việc nghiên cứu Đông Dương về hầu hết các mặt khoa học xã hội. Có thể nói rằng những người nghiên cứu sau không thể tiếp tục tiến lên nếu không “*đứng trên vai*” của Tạp chí này mà nhìn đường đi.

Nhìn chung, phần lớn nghiên cứu của người Pháp trước đây liên quan đến xứ Đông Dương, theo cách gọi của tiếng Việt đương thời là *Bắc Kỳ*, *Trung Kỳ*, *Nam Kỳ*,... ở đây có vấn đề quản lý hành chính và địa danh được dùng thời Pháp thuộc. Khi xử lý và khai thác tài liệu, cần chú ý rằng từ *Annam* trong tiếng Pháp lúc đầu chỉ *Trung Kỳ*, với các thành phố chính là Huế và Đà Nẵng. Về sau dùng để chỉ triều Nguyễn, kể từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi (1802), hiệu là Gia Long thống nhất đất nước, gọi là *Việt Nam*, trở thành *protectorat français* (xứ bảo hộ thuộc Pháp) năm 1883 và năm trong *Union indochinoise* (Liên hiệp Đông Dương) năm 1887 (Dictionnaire Hachette encyclopédique 2000, p. 71).

Do vậy, khi xử lý và khai thác tài liệu mà gặp từ *annamite*, được hình thành từ *Annam*, theo quy luật phái sinh bình thường của tiếng Pháp, nên thận trọng xác định xem đó là tài liệu chỉ nói đến miền Trung ngày nay hay cả nước Việt Nam.

Ngày nay, từ này được hiểu với nghĩa xấu, miệt thị, song ở thời đó, nó chỉ mang nghĩa trung tính. Chẳng vậy mà cuốn sách của Charles B. Maybon được Nguyễn Thừa Hỷ dịch sang tiếng Việt với tên đề là: Những người châu Âu ở nước An Nam (Nxb. Thế giới, 2006, 301 tr.). Vì thế, *Annam* → *annamite* vốn không mang nghĩa xấu.

Thêm vào đó, cần lưu ý vào thời ấy (và một thời gian nữa sau này), người Tày vẫn được gọi là *Thổ* (trong dân gian thì nay đôi khi vẫn còn gọi như vậy). Mãi đến cuộc điều tra dân số ngày 1/4/1974 ở miền Bắc, nằm trong số những trường hợp vài nhóm nhỏ được gộp thành một dân tộc lớn hơn, từ đó tên chính thức *Thổ* = Tày Pọng + Đan Lai + Ly Hà + Kẹo + Mọn + Cuối + Họ (1, tr.36). Và như thế nghĩa là kể từ đây, *Thổ* thuộc nhóm Việt-Mường, khác hẳn với *Tày* thuộc nhóm Thái-Kadai. Không thể không lưu ý điều này khi phân loại tài liệu trong một thư viện.

Nội dung khảo cứu của người Pháp cũng đa dạng, đó là về: lịch sử, xã hội, tâm lý, phong tục, tập quán, tôn giáo, văn học nghệ thuật dân gian,...

Tác giả của các ấn phẩm được công bố cũng hết sức đa dạng. Ngày nay, một số nhà nghiên cứu đã trở thành nổi tiếng như A. G. Haudricourt, với các nghiên cứu dân tộc - ngôn ngữ học rất sâu sắc, Bonifacy với *giáo trình dân tộc học Đông Dương*, 1919, L. Sabatier và F. M. Savina với các nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc thiểu số,...

Trong số ít người ở đầu thế kỷ XX đã đi tiên phong trong nghiên cứu Việt Nam, đặc biệt là L. Cadière (1869-1955). Cùng với hoạt động mục vụ, ông còn tiến hành khảo cứu trên nhiều lĩnh vực: sử

học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, tôn giáo học, thực vật học,... Do vậy, ông đã được vinh danh và tôn là bậc thầy trong những công việc giới thiệu Huế với quốc tế (2).

Không thể không nói đến G. Condominas, được coi là bậc thầy trong giới nghiên cứu dân tộc học thế giới, người bạn lớn của nhiều bậc trí thức ở Việt Nam, cũng đồng thời là người thân của những người Mnông Gar ở làng Sar Luk. Được biết, cuốn sách “Chúng tôi ăn rừng đá thần Goô” của ông ra đời cách đây nửa thế kỷ đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng, và gây tiếng vang đầu tiên không phải trong giới nghiên cứu dân tộc học, mà chính là trong giới văn học (3).

Nhìn lại một thế kỷ nghiên cứu khoa học của Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội 1900-2000, tên tuổi một số học giả Việt Nam trưởng thành từ đây đã được ghi nhận. Đó là những công trình văn khắc học và sử học của Trần Văn Giáp (1886-1973), ngữ văn học và y học cổ truyền của Trần Hàm Tấn (1887-1957), văn khắc học và sử học của Nguyễn Văn Tố (1889-1947), văn hóa, sử học và giáo dục của Nguyễn Văn Huyền, ...

Từ năm 1993, EFEO chính thức có Văn phòng đại diện tại Hà Nội. Từ các đề án nghiên cứu, các sản phẩm đều đặn ra mắt bạn đọc.

Còn phải nói đến các sản phẩm của các nhà nghiên cứu tại Trung tâm Nghiên cứu Ngôn ngữ Đông Á (CRLAO) và Phòng Nghiên cứu Đông Nam Á và Nam đảo (LASEMA), Trường Cao học Khoa học xã hội (EHES), đều thuộc Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS), Ban Việt học, khoa

Ngôn ngữ và Văn minh Đông Á tại Đại học Paris VII,... Đó là không kể đến những trung tâm lưu trữ có nhiều tài liệu liên quan đến Việt Nam ở Aix-en-Provence, Thư viện Quốc gia,...

Tên tuổi của một số nhà nghiên cứu lịch sử Việt Nam người Pháp, như Charles Fourniau, Alain Ruscio,... không còn xa lạ với nhân dân Việt Nam. Và Georges Boudarel (1926-2003), với hàng loạt tác phẩm về đất nước, con người, lịch sử Việt Nam, ông còn được bạn bè Việt Nam cũng như các nhà Việt học thân quen vẫn thường gọi là "anh Bu-đa-rên" hay đơn giản hơn, thân mật hơn: "Buda" (4).

Nhiều nước có hẳn một bộ phận quan tâm không chỉ đến tiếng Việt và các ngôn ngữ ở Việt Nam như ở Liên Xô (cũ) và Nga (hiện nay). Không ít công trình của các nhà nghiên cứu ở Viện Đông phương học, Viện các dân tộc châu Á, Viện các quan hệ quốc tế, Viện các ngôn ngữ phương Đông, Khoa Đông phương học,... đã được ghi nhận, trong số đó, có thể kể đến nghiên cứu và phê bình văn học Việt Nam hiện đại của N. I. Niculin,...

Ở Hoa Kỳ, Viện Ngôn ngữ học Mùa hè (SIL) từ lâu đã có những nghiên cứu về các ngôn ngữ dân tộc ở Việt Nam. Gần đây có Viện Việt học, ra đời năm 2000. Vì mối quan hệ đặc biệt giữa Mỹ và Việt Nam, một số sách về Việt Nam và cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam xuất bản tại Mỹ, do người Mỹ là tác giả đã có trong kho tài liệu này. Song không chỉ về đề tài này, tại thư viện của Viện Việt học còn có những nghiên cứu về văn học như: An Introduction to Vietnamese Literature. New York: 1985.... về văn hoá, như: Getting to Know the

Vietnamese and Their Culture. New York, 1976; về nông dân, như: The Peasants of North Vietnam. Middlesex, 1969; về lịch sử, như: Vietnam: A History. New York, 1991; Về ẩm thực truyền thống, như: The Classic Cuisine of Vietnam. New York: 1979.

Tại đây, lưu giữ cả một số công trình được xuất bản ở phương Tây. Đáng chú ý là có cả những nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh như: Ho Chi Minh. Madrid, 1970; Vision Accomplished? The Enigma of Ho Chi Minh. New York, 1971; và cả về việc Pháp ở Đông Dương trước đây, như: Vietnam: The French in Indochina: With a Narrative of Garnier's Explorations In Cochinchina, Annam, and Tonquin. London, 1984...

Các nghiên cứu về Việt Nam có thể được công bố trên *Vietnamese Studies Newsletter*, với địa chỉ điện tử: <http://site.yahoo.com/vstudies/vsirnewup.html> đang được xây dựng.

Ở Bỉ, có *Centre tricontinental* (5). Những ấn phẩm ra đều đặn từng quý (*Publication trimestrielle*) của Trung tâm này có *Tóm tắt bằng tiếng Pháp và tiếng Anh*, chẳng hạn như: *Socialisme et marché: Chine, Vietnam, Cuba* (Vol.VIII 2001/1), ...

Ở Hà Lan, có *International Institute of Asian Studies*, với xuất bản phẩm được gửi (miễn phí) đến tất cả những người quan tâm, đó là *IIAS Newsletter*. Gần đây có đề án VNRP (Vietnam-Netherlands Research Programme = Chương trình nghiên cứu Việt Nam – Hà Lan) về đổi mới kinh tế, phát triển nông thôn, môi trường,...

Ở *Đan Mạch*: các nghiên cứu về Việt Nam được công bố trên NIAS.

Ở *Nhật Bản*, trong số các chuyên gia nghiên cứu về Việt Nam phải kể đến GS. Yoshiharu Tsuboi, Đại học Waseda, Kenji Tomita, Đại học Osaka,...

Ở *Singapore*: *Institute of Southeast Asia Studies - ISEAS* có những ấn phẩm liên kết xuất bản như: ISEAS Singapore University Press & NIAS Press (Denmark),...

Ở *Indonesia*, có *Research Center for Regional Resource, The Indonesian Institute of Sciences*, Jakarta.

Ở *Australia*, cần nói đến chuyên gia lâu năm về Việt Nam, GS. Carlyle Thayer, từ Học viện Quốc phòng ở Canberra, là nhà phân tích - tác giả của rất nhiều sách và bài báo về Việt Nam, Giám đốc Diễn đàn Nghiên cứu quốc phòng Đại học New South Wales còn là một chuyên gia về khu vực Đông Nam Á (6).

Đáng chú ý là từ thập niên 1990, các nghiên cứu địa phương ở Việt Nam khá phổ biến, như GS. Shaun Malarney với công trình ở ngoại ô Hà Nội, GS. John Kleinen ở Hà Tây và GS. Edmund Malesky với hai tỉnh tiêu biểu. Những nghiên cứu này được xuất bản thành sách trong thập niên 2000. TS. David Koh, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Đông Nam Á có trụ sở ở Singapore, trình bày qua công trình nghiên cứu “*Phường ở Hà Nội*” (Wards of Hanoi, 2005). TS. David Koh xây dựng mô hình nghiên cứu gọi là không gian dàn xếp (mediation space), cũng là vùng tối (penumbra), nhưng lại chính là nơi diễn ra sự thực thi chính sách nhà nước ở tầng địa phương. Tập sách được xây dựng trên những nghiên cứu thực địa trong hai năm

David Koh học tiếng Việt ở Hà Nội hồi thập niên 1990 (3). BBC tiếng Việt có mục “Việt Nam trong con mắt người nước ngoài” (4).

2.2 Giới nghiên cứu Việt Nam ở nước ngoài quan tâm rất nhiều vấn đề khác nhau: khảo cổ học, dân tộc học (bởi Việt Nam là nước đa dân tộc, với 54 tộc người mà tiếng Việt đã được chọn làm “tiếng phổ thông” cùng với “chữ quốc ngữ”), lịch sử từ cổ đại đến hiện đại, ngôn ngữ, văn học, văn hoá dân gian, tín ngưỡng-tôn giáo, kinh tế, pháp luật, v.v...

Từ mấy thế kỷ nay, người châu Âu quan tâm đến Việt Nam ngày một nhiều đến mức giới nghiên cứu đã có diễn đàn EUROVIET được tổ chức khá đều đặn; diễn đàn này thu hút không chỉ người châu Âu mà ta thấy người tham gia đến từ cả các châu lục khác. Không chỉ Mỹ, Nhật, Pháp, Anh,... mà cả Thụy Điển, Hà Lan, Đan Mạch,... cũng dành những Quỹ hỗ trợ cho các nhà nghiên cứu.

Việc các học giả nước ngoài nghiên cứu tiếng Việt nhiều khi còn bắt đầu ngay cả trước khi có chủ trương giảng dạy tiếng Việt ở nhà trường nước họ. Đó là một thực tế. GS. Serge Genest, trưởng nhóm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu về châu Á hiện đại, Đại học Tổng hợp Laval (Canada) hoàn toàn có lý khi đưa ra nhận xét rằng: “Những thay đổi quan trọng đang diễn ra ở Việt Nam khiến cho ngày càng có nhiều người muốn tiếp xúc với đất nước này. Dù là vì những mục đích trao đổi văn hoá hay kinh tế thì những mối quan hệ muốn phát triển với những thành viên của một nền văn hoá khác khiến ta có một sự hiểu biết, dù là hạn chế, về ngôn ngữ của dân chúng nước này” (Avant-propos, *Parlons*

vietnamien. Gérard, Université Laval, 1995). Đứng về góc độ tiếp xúc ngôn ngữ và giao lưu văn hóa, đó là một hiện tượng rất thú vị, chưa từng có trong lịch sử tiếng Việt và giao lưu văn hóa Việt Nam với thế giới. Đó cũng là một trong những nhân tố thúc đẩy khoa Việt Nam học có một vị trí xứng đáng ngay cả ở nước ngoài.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu được công bố bằng tiếng Anh và tiếng Pháp trên tạp chí: *Vietnamese Studies & Etudes Vietnamiennes*. Bộ thứ nhất (70 số) xuất bản từ 1964 đến 1982 đã được đưa vào đĩa CD-ROM. Bộ mới được đánh số lại, từ số 1 (71) đến 23 (93), và ra theo quý, kể từ No4/1989 (94).

Về tổ chức nghiên cứu và giảng dạy, có Trung tâm Hợp tác nghiên cứu Việt Nam (ra đời ngày 11/11/1988), thuộc Đại học Tổng hợp Hà Nội khi đó, sau đổi là *Trung tâm nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu văn hoá* (theo quyết định thành lập số 529 /QĐ ngày 17/5/1989 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo), Trung tâm được chọn làm đơn vị nòng cốt xây dựng *Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển*, được thành lập theo quyết định số 40/2004/QĐ-TTg ngày 19/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm góp phần phát huy thế mạnh của Đại học Quốc gia Hà Nội (4). Ở Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Trung tâm nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á được thành lập ngày 14/3/1990 theo Quyết định số 328/TCCB của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Và được biết, sau sự xuất hiện của ngành Việt Nam học tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội năm 2002 (từ Bộ môn Việt Nam học, ngày 27/9/2005 khoa Việt Nam học chính thức được thành lập), năm học 2005 - 2006 có 16 trường mở mã ngành đào tạo

Việt Nam học, và năm học 2006 - 2007 có thêm 20 trường nữa mở mã ngành học này (7).

Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất đã diễn ra tại Hà Nội vào các ngày 15-17/7/1998. Số lượng người tham dự đông hơn dự kiến, đặc biệt có rất nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam từ nhiều nước trên khắp thế giới đến dự. Hội thảo Việt Nam học lần thứ hai được tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh trong 3 ngày 14 - 16/7/2004. Và hội thảo lần thứ ba được tổ chức tại Hà Nội (4-7/12/2008) hẳn sẽ là một điểm hẹn hấp dẫn giới nghiên cứu Việt Nam học.

3. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác thông tin về chủ đề này, giới thư viện – tư liệu học cần xây dựng một chủ đề chung cho các tài nguyên thông tin, được tập hợp từ các nguồn tư liệu (trong và ngoài nước, tổ chức và cá nhân khác nhau) là: *Việt Nam và Việt Nam học*.

Tại Hội thảo EUROVIET (Aix-en-Provence, tháng 5/1995), Christiane Pasquel Rageau đề cập đến lịch sử thư mục về Đông Dương nói chung, Việt Nam nói riêng, đã nhắc lại nhận xét của C. B. Maybon (BEFEO, 1910) rằng *bibliographie annamite* trong *Tableau de la Cochinchine* của M. A. Bellecorme xuất bản năm 1862, chỉ chiếm 6/350 trang, có thể được xem là tập thư mục đầu tiên về vùng này. Và chỉ vài năm sau, tập thư mục trăm trang của V. A. Barbié du Bocage có tên là *Bibliographie annamite, livres, recueils, périodiques, manuscrits, plans* được *Revue Maritime et Coloniale* xuất bản năm 1866. Và rồi các thư mục chuyên ngành được xây dựng và/hoặc bổ sung (6).

Sang thế kỷ XX, ở Pháp đã có các tập thư mục:

- Gaspardone Emile. *Bibliographie annamite*, BEFEO, 1934, p.1-173.

- Nguyen The Anh. *Bibliographie critique sur les relations entre le Vietnam et l'Occident*. Paris, 1967, 310p.

- Nguyen Dinh Thi & Tran Ngoc Bich. *Bibliographie vietnamienne*. Editions Sudestisie, T.I, 1975, 237p., T.II, 1982, 294p.

- Chantal Descour -Gatin & Hugues Villiers. *Guide de Recherche sur le Vietnam*. Paris, 1983, 259p.

- *Fonds VIETNAM de la Bibliothèque du Ce DRASEMI*. Catalogue réalisé par Nelly Krowolski et Nguyen Tung. CNRS, Valbonne, 1985, 712p.

Viện Thông tin Khoa học xã hội đã tiến hành xây dựng Thư mục Việt Nam học vào năm 1999. Nhóm đề tài đã làm được khoảng 7-8000 phiếu thư mục 7 yếu tố, song thời kỳ này chưa có điều kiện xây dựng CSDL.

Cũng khoảng thời kỳ này, ở Pháp đã cho ra một tập thư mục về lịch sử và văn minh Việt Nam của một gia đình nghiên cứu, đó là:

- *Référence bibliographiques d'histoire et civilisation du Vietnam*/ Philippe Langlet, Quach Thanh Tam. P., 2003, 305p.

Gần đây, *Thư viện Trẻ* vừa mới khởi động lại Index Vietnam (8) – CSDL chỉ mục báo tạp chí Việt Nam với gần 8.000 biểu ghi thư mục (citation) của các bài báo, tạp chí xuất bản từ năm 2000 đến nay. Index Vietnam được thử nghiệm từ năm 2006, là CSDL chỉ mục báo, tạp chí Việt Nam tìm kiếm được đầu tiên trên

Internet. Index Vietnam phiên bản mới sử dụng công nghệ Web 2.0. *Thư viện Trẻ* cũng cho biết sẵn sàng tư vấn các thư viện xây dựng những công cụ tương tự. Các thư viện khoa học ở Việt Nam cần xem đây là một chủ đề lớn. Nội dung của chủ đề này có thể bao gồm những đề mục cụ thể.

Các đề mục cho chủ đề: *Việt Nam và Việt Nam học* được xây dựng ở một thư viện khoa học, đại để như sau:

1. Đất nước Việt Nam:

- Địa lý tự nhiên và môi trường
- Lịch sử,...

2. Con người Việt Nam

- Xã hội Việt Nam
- Văn hoá Việt Nam
- Tâm lý người Việt Nam...

3. Các dân tộc/tộc người ở Việt Nam

- Người Việt (Kinh)
- Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

4. Các ngôn ngữ ở Việt Nam:

- Tiếng Việt (Kinh)
- Các ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Việt Nam

...

4. Nhu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước hiện nay là cần có (những) địa chỉ tin học đủ sức cung cấp cho các nhà khảo cứu trong và ngoài nước một bức tranh toàn cảnh về thực trạng, không chỉ để kế thừa hay tránh trùng lặp, mà từ đó còn có thể phác hoạ tương lai của nghiên cứu Việt Nam học trong nước và trên thế giới.

Không phải chỉ để hấp dẫn người sử dụng, mà là để tồn tại trong thể thống nhất nhưng không thể sáp nhập, nhằm

duy trì tính đa dạng trong khác biệt, mỗi thư viện khoa học cần sở hữu trong mình (những) vốn tài nguyên thông tin đặc thù, nhằm phục vụ những nhu cầu tìm kiếm thông tin chuyên biệt của nghiên cứu khoa học, giảng dạy và học tập ở bậc đại học và sau đại học về Việt Nam học.

Tính đặc thù này có thể được thể hiện ở vốn sách báo và tài liệu quý hiếm về một số lĩnh vực chuyên ngành được xác định, phù hợp với cơ sở nghiên cứu và đào tạo (nhờ ưu thế riêng) mà ít nơi có được, hay những nơi khác cũng có thể có nhưng thường không đầy đủ, thiếu hệ thống, không thành bộ, đủ tập ...

Dương nhiên, vốn tài nguyên thông tin thu thập không chỉ cần được lưu giữ tốt, mà còn cần được xử lý nhờ kỹ thuật hiện đại, sao cho người dùng tin dễ dàng tiếp cận nhất, theo cách nói hiện đại là *thân thiện* với người dùng tin (chứ không phải chỉ nằm nguyên trong kho, kể cả kho thông tin điện tử). Nói cách khác là làm sao để cả các nguồn tài nguyên thông tin này không chỉ được thu nhận, bảo quản tốt mà chúng phải được khai thác có hiệu quả tối đa, phục vụ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu về Việt Nam học.

Để hội nhập và cùng phát triển với ngành thông tin – thư viện thế giới, đặc biệt là để tranh thủ những nguồn tài nguyên thông tin đã có, hướng tới dễ dàng chia sẻ tài nguyên thông tin, thì không gì khác hơn là phải thực hiện chuẩn nghiệp vụ phổ biến nhất.

Nhân đây, xin được chia sẻ với một “lão làng” về suy nghĩ của ông (đang trở thành hiện thực) cho rằng: Trung tâm nghiên cứu (và tôi mong muốn được thêm: cũng như đầu mối cho việc khai thác tối ưu tài nguyên thông tin phục vụ nghiên cứu và giảng dạy/học tập) về Việt Nam học cần được xây dựng ở Việt Nam chứ không phải ở một nơi nào khác trên thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vương Toàn. Góp ý về biên soạn tiêu đề đề mục Việt Nam – các ngôn ngữ. “Bản tin thư viện – Công nghệ thông tin”. Trường Đại học Khoa học tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, tháng 5/2008.
2. Xem các bài viết của Đào Hùng, *Xưa và nay*, số 6/1995 và Nguyễn Đắc Xuân, *Lao động* ngày 23/6/1994.
3. <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=43&sub=79&article=112017>
4. Câu chuyện đời người của một nhà Việt học. <http://www.tuoiitre.com.vn/Tianyon/Index.aspx?ChannelID=10&ArticleID=244280>
5. <http://www.cetri.be/>
6. <http://www.tuoiitre.com.vn/tianyon/Index.aspx?ArticleID=163043&ChannelID=2>
7. <http://vns.hnue.edu.vn/WItemdetail.aspx?CatID=25&SubID=0&ItemID=102>
8. <http://indexvietnam.thuvientre.com>